

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 241/2026/HS-ST
Ngày 28-8-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Định và ông Nguyễn Quang Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Hồng Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 208/2026/TLST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 224/2026/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2026/HSST-QĐ ngày 24/8/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn, đối với bị cáo:

Đồng Văn B; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 18 tháng 12 năm 1981 tại tỉnh Hưng Yên; Căn cước công dân số: 034081007111; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: Thôn N, xã M, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Văn K (đã chết), con bà Phan Thị M, sinh năm 1954; vợ Đặng Thị T, sinh năm 1982; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ ngày 05/5/2026, chuyển sang tạm giam ngày 08/5/2026 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh L, có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty trách nhiệm hữu hạn T2, người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng H - Giám đốc; địa chỉ: Số F đường L, phường Đ, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đồng Văn B, sinh năm 1981; trú tại thôn N, xã M, tỉnh Hưng Yên, làm nghề lái xe thuê cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T2, trụ sở tại số F L, phường Đ, thành phố Hải Phòng. Ngày 27/4/2026, Đồng Văn B điều khiển xe ô tô tải đầu kéo biển số 15H-199.05 kéo theo sơmi romoóc biển số 15RM-073.99, vận chuyển thùng Container số BMOU9276244 xuất cảnh sang nước Lào qua Cửa khẩu C1, tỉnh Quảng Bình để chở hàng hóa là quả sầu riêng. Đến ngày 29/4/2026, Đồng Văn B nhập cảnh trở về Việt Nam rồi một mình điều khiển phương tiện đến khu vực Cửa khẩu quốc tế H1, tỉnh Lạng Sơn để xuất khẩu hàng sang Trung Quốc. Đến 15 giờ 30 phút, ngày 01/5/2026, Đồng Văn B điều khiển xe ô tô đầu kéo cùng romoóc trên xuất cảnh sang bãi kiểm hoá Nam B, Trung Quốc. Do chủ hàng chưa làm xong thủ tục để nhận hàng nên Đồng Văn B đỗ xe tại bãi, đến chiều tối cùng ngày Đồng Văn B đi bộ nhập cảnh về Việt Nam.

Sáng ngày 02/5/2026, Đồng Văn B xuất cảnh sang Trung Quốc đến bãi xe kiểm tra xe và hàng hóa. Tại đây, Đồng Văn B nảy sinh ý định mua pháo hoa nổ bên Trung Quốc rồi cất giấu vào xe ô tô đầu kéo nhằm vận chuyển về Việt Nam để đốt vào dịp cuối năm. Đồng Văn B thuê một người đàn ông lái xe ô tô người Trung Quốc (khoảng 55 tuổi, biết nói tiếng Việt) chở đến cửa hàng bán pháo hoa nổ do Trung Quốc sản xuất cách đó khoảng 1,5 km. Tại cửa hàng, Đồng Văn B gặp một người phụ nữ chủ tiệm và mua 02 (hai) giàn pháo hoa nổ (loại 100 lỗ/giàn), được đựng trong túi nilon màu đen với giá 360.000 đồng/giàn (ba trăm sáu mươi nghìn đồng). Đồng Văn B đem số pháo này về cất giấu vào giá sắt ở giữa, phía dưới gầm romoóc biển số 15RM-073.99. Đến khoảng 18 giờ 00 cùng ngày, Đồng Văn B nhập cảnh về Việt Nam.

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 03/5/2026, Đồng Văn B tiếp tục xuất cảnh sang Trung Quốc để kiểm tra xe hàng. Đồng Văn B thuê một người đàn ông lái xe ô tô khác người Trung Quốc, biết nói tiếng Việt (không rõ lai lịch) chở đến cửa hàng pháo ngày hôm trước và mua thêm 02 (hai) giàn pháo hoa nổ cùng loại và giá tiền, đem về cất giấu vào cùng vị trí cũ dưới gầm romoóc rồi đi bộ nhập cảnh về Việt Nam vào 16 giờ 30 phút.

Khoảng 13 giờ 20 phút ngày 04/5/2026, Đồng Văn B lại xuất cảnh sang Trung Quốc, tiếp tục thuê một người lái xe ô tô người Trung Quốc, biết nói tiếng Việt (không rõ lai lịch) chở đến cửa hàng trên mua thêm 04 (bốn) giàn pháo hoa nổ loại 100 lỗ/giàn với giá 360.000 đồng/giàn. Đồng Văn B mang số pháo này cất giấu cùng 04 giàn pháo trước đó dưới gầm romoóc biển số 15RM-073.99. Tổng cộng sau 03 lần mua, Đồng Văn B đã mua được 08 (tám) giàn pháo hoa nổ, bọc trong 08 túi nilon màu đen cất giấu lên xe rồi tiếp tục gửi xe ở bãi Trung Quốc và nhập cảnh về Việt Nam.

Sáng ngày 05/5/2026, chủ hàng nông sản thông báo đã nhận hết hàng, do bị ốm không thể lái xe, Đồng Văn B đã liên hệ với Nguyễn Quang T1, sinh năm 1984, trú tại thôn L, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn - là đầu mối chuyên gọi tài xế trung chuyển để thuê người điều khiển chiếc xe đầu kéo trên từ bãi xe Trung Quốc về Việt Nam với giá 800.000 đồng/lượt. Đồng Văn B không nói cho Nguyễn

Quang T1 biết mình có cất giấu pháo nổ trên xe. Sau đó, Nguyễn Quang T1 đã cử Nông Văn Á, sinh năm 1977, trú tại thôn Bản Piêng, xã K, tỉnh Lạng Sơn là nhân viên của Nguyễn Quang T1 xuất cảnh sang Trung Quốc để điều khiển xe về Việt Nam theo yêu cầu của Đồng Văn B.

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 05/5/2026, khi Nông Văn Á điều khiển xe đầu kéo biển số 15H-199.05 kéo theo rơmoóc 15RM-073.99 nhập cảnh vào Việt Nam qua Cửa khẩu quốc tế H1 thì bị lực lượng chức năng kiểm tra, phát hiện toàn bộ số pháo nổ cất giấu dưới gầm rơmoóc nên đã đưa người, phương tiện và tang vật về trụ sở làm việc. Sau khi nghe Nông Văn Á và Nguyễn Quang T1 thông báo sự việc, biết không thể trốn tránh, Đồng Văn B đã đến Đồn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế H1 đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra đã tạm giữ 08 (tám) túi nilon màu đen, đã qua sử dụng bên trong mỗi túi chứa 01 (một) khối hình hộp có kích thước (24,5 x 24,5 x 14,7)cm, bên ngoài mỗi khối hình hộp được bọc giấy màu đỏ có in chữ nước ngoài, bên trong có 100 lỗ/khối; 01 (một) xe ô tô đầu kéo, nhãn hiệu INTERNATIONAL, màu đỏ biển số 15H-199.05; 01 (một) somi rơmoóc, nhãn hiệu TIANJUN, màu đỏ, biển số 15RM-073.99; 01 Container số hiệu BMOU9276244 đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, số hiệu: VA-1643155; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, số phiếu kiểm định: 04591/26 (bản phô tô); 01 giấy chứng nhận đăng ký somi rơmoóc số 15004646; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 1500040002; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của xe ô tô; số: OTOBB250089311; 01 hộ chiếu số E03897230 mang tên Đồng Văn B; 01 giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào số: N.6654/2026; 01 giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào số: N.6655/2026; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 13 promax, màu vàng.

Kết quả kiểm tra xác định 08 (tám) giàn pháo hoa nổ có tổng trọng lượng là: 31,5kg (ba mươi một phẩy năm kilogam).

Bản kết luận giám định số 466/KL-KTHS ngày 06/5/2026 của Phòng K1 - Công an tỉnh L kết luận 08 (tám) khối hình hộp gửi giám định là pháo, loại pháo hoa nổ, khi đốt gây ra tiếng nổ.

Tại bản Cáo trạng số 99/CT-VKSKV1, ngày 30 tháng 7 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn đã quyết định truy tố bị cáo Đồng Văn B về tội “Vận chuyển hàng cấm”, theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 191 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đồng Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 - Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Trọng H vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra đã trình bày: Xe ô tô đầu kéo, nhãn hiệu INTERNATIONAL, màu đỏ, đã qua sử dụng, mang biển số 15H-199.05; 01 (một) somi rơmoóc, nhãn hiệu TIANJUN, màu đỏ, đã qua sử dụng, mang biển số 15RM-073.99 là của Công ty

trách nhiệm hữu hạn T2, việc Đồng Văn B sử dụng thực hiện hành vi vi phạm Công ty không biết gì. Ngày 30/7/2026, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã giao trả lại cho Công ty xe ô tô và các giấy tờ kèm theo, nay Công ty không có ý kiến, yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đồng Văn B phạm tội Vận chuyển hàng cấm; Áp dụng điểm k khoản 2, khoản 4 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đồng Văn B từ 02 năm 9 tháng đến 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/8/2026; hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng; về xử lý vật chứng: Xác nhận ngày 30/7/2026 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã giao trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 các tài sản của công ty; vật chứng là pháo đã được tiêu hủy hết; trả lại cho bị cáo giấy tờ và tài sản do không liên quan đến hành vi phạm tội; buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định.

Bị cáo Đồng Văn B không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 vắng mặt và đã có đơn xin xét xử vắng mặt, quá trình điều tra đã cung cấp đầy đủ lời khai, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trên.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng. Các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của người có thẩm quyền, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến khiếu nại, do vậy các chứng cứ, tài liệu đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng trên đều hợp pháp.

[3] Lời khai của bị cáo Đồng Văn B tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; phù hợp với biên bản sự việc, biên bản xác định hiện trường, kết luận giám định, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và ý kiến phát biểu, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Có đủ căn cứ xác định: Từ ngày

02/5/2026 đến ngày 05/5/2026, tại khu vực bãi kiểm hóa Nam B (Trung Quốc) và Cửa khẩu quốc tế H1, tỉnh Lạng Sơn, bị cáo Đồng Văn B đã 03 lần mua tổng cộng 08 giàn pháo hoa nổ do Trung Quốc sản xuất, có tổng khối lượng 31,5kg sau đó cất giấu dưới gầm somi romoóc biển số 15RM-073.99 nhằm vận chuyển trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam để sử dụng. Đến khoảng 12 giờ 30 phút ngày 05/5/2026, khi xe đầu kéo biển số 15H-199.05 kéo theo somi romoóc biển số 15RM-073.99 nhập cảnh qua Cửa khẩu quốc tế H1 thì bị lực lượng chức năng kiểm tra phát hiện thu giữ toàn bộ số pháo nổ, khi đó Nông Văn A là điều khiển phương tiện. Biết hành vi phạm tội của mình không thể thoát được nên Đồng Văn B đến đầu thú. Với hành vi trên có đủ căn cứ xác định bị cáo Đồng Văn B đã phạm tội "Vận chuyển hàng cấm", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm k khoản 2 Điều 191 của Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Lạng Sơn đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo Đồng Văn B là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực, nhận thức rõ pháo là loại hàng hoá Nhà nước cấm sản xuất, kinh doanh, buôn bán, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành và sử dụng, là vật cấm và có nguồn nguy hiểm cao độ, nhưng bị cáo vẫn thực hiện chỉ để thỏa mãn nhu cầu sử dụng bất hợp pháp của bản thân.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ngoài ra sau khi biết hành vi vi phạm của mình bị phát hiện, bị cáo đã đến H1 để đầu thú; bị cáo có bác ruột là Đồng Văn B1 là liệt sỹ hiện nay bị cáo đang là người thờ cúng, bác Đồng Văn B1 có Huân chương chiến công giải phóng, Huân chương chiến sỹ giải phóng do đã lập chiến công xuất sắc trong chiến đấu chống Mỹ cứu nước do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự không có.

[6] Về nhân thân: Bị cáo chưa bị xét xử, xử phạt vi phạm hành chính và xử lý kỷ luật nên có nhân thân tốt, đây là lần đầu phạm tội.

[7] Trên cơ sở xem xét, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật tại cơ quan, địa phương; có nơi cư trú rõ ràng; đối chiếu văn bản số 03/VBHN-TANDTC, ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo, do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ sức răn đe giáo dục bị cáo, đảm bảo tính khoan hồng của Nhà nước. Do đó, cần trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam trong vụ án khác.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[9] Về vật chứng của vụ án: Xác nhận ngày 30/7/2026, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã giao trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 gồm: 01 (một) xe ô tô đầu kéo, nhãn hiệu INTERNATIONAL, màu đỏ, đã qua sử dụng, mang biển số 15H-199.05; 01 (một) sômi rơmoóc, nhãn hiệu TIANJUN, màu đỏ, đã qua sử dụng, mang biển số 15RM-073.99; 01 Container số hiệu BMOU9276244 đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; số hiệu VA-1643155; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, số phiếu kiểm định: 04591/26 (bản phô tô); 01 giấy chứng nhận đăng ký sômi rơmoóc số 15004646; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 1500040002; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của xe ô tô, số: OTOB250089311 và khối lượng pháo đã được tiêu hủy.

[10] Trả lại cho bị cáo Đồng Văn B 01 hộ chiếu số E03897230 mang tên Đồng Văn B; 01 giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào số N.6654/2026; 01 giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào số N.6655/2026; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 13 promax, màu vàng do không liên quan đến hành vi phạm tội.

[11] Về hình phạt bổ sung là phạt tiền: Phạt bị cáo Đồng Văn B số tiền 10.000.000 đồng.

[12] Đối với 03 (ba) người đàn ông Trung Quốc làm nghề xe ôm được Đồng Văn B thuê chở đi mua pháo tại Trung Quốc, Đồng Văn B không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Đối với ông Phạm Thành C và Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 là chủ sở hữu xe, thuê Đồng Văn B lái xe chở sàu riêng có hợp đồng vận chuyển theo quy định và không biết, không tham gia vào việc Đồng Văn B mua, cất giấu pháo, không có dấu hiệu đồng phạm nên không xem xét.

[14] Đối với Nguyễn Quang T1 và Nông Văn A là người làm nghề điều hành và tài xế xe trung chuyển từ bãi xe Trung Quốc về Việt Nam lấy tiền công. Cả hai không biết trên xe có pháo nổ và không có mục đích vận chuyển hàng cấm nên không có căn cứ để xem xét.

[15] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và theo điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[16] Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm k khoản 2, khoản 4 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đồng Văn B phạm tội "Vận chuyển hàng cấm".

2. Về hình phạt:

2.1. Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Đồng Văn B 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/8/2026. Trả tự do cho bị cáo Đồng Văn B tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tam giam trong vụ án khác.

Giao bị cáo Đồng Văn B cho Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Đồng Văn B có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Hưng Yên trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự năm 2025.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2. Hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo Đồng Văn B số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

3. Vật chứng: Trả lại cho bị cáo Đồng Văn B 01 hộ chiếu số E03897230 mang tên Đồng Văn B; 01 giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào số N.6654/2026; 01 giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào số N.6655/2026; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 13 promax, màu vàng gold, số IMEI 353652734053375, số IMEI 2: 353652734398531, lắp sim số thuê bao 0982.973.758, đã qua sử dụng.

Các vật chứng hiện đang được lưu giữ tại Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tỉnh L (Phòng PC03)

4. Về án phí: Buộc bị cáo Đồng Văn B phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung Ngân sách nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt,

có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 1 - Lạng Sơn;
- CQ THAHS Công an T. Lạng Sơn;
- Phòng hồ sơ NV Công an T. Lạng Sơn;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Lạng Sơn;
- UBND xã Minh Thợ, tỉnh Hưng Yên
(thay Thông báo kết quả xét xử);
- Bị cáo; NLQ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Phương Mai